

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Chiến lược hành động HĐTL

VN30F2412	1.314	↓ -0,34	KLGD	149.799
			OI	56.786

TRONG NGÀY	Hoạt động Long xem xét mở ra tại các nhịp rung lắc đầu phiên với vùng hỗ trợ 1.305-1.309 điểm. Hoạt động Short chờ tín hiệu suy yếu tại các ngưỡng cản kỹ thuật 1.318 điểm hoặc cao hơn là vùng 1.324 điểm
NGẮN HẠN	Hoạt động nắm giữ vị thế qua đêm tạm thời chưa được khuyến khích

Nhận định thị trường HĐTL

- **TTCK thế giới:** Chỉ số S&P 500 và Nasdaq Composite tăng lên mức cao kỷ lục mới vào ngày thứ Hai (02/12) để bắt đầu giao dịch tháng 12 khi các chỉ số nổi dài đã leo dốc mạnh mẽ của tháng 11.
- **TTCK phái sinh trong nước:**
 - Thị trường phái sinh ghi nhận phiên giao dịch rung lắc mạnh với thanh khoản sụt giảm mạnh. Đóng cửa, các HĐTL giảm từ 3,0 đến 8,6 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 2,43 điểm. Basis của các hợp đồng tương lai thu hẹp còn từ +4,67 điểm đến +8,97 điểm. Thanh khoản phiên này giảm 27,87% xuống 149.505 hợp đồng. Khối ngoại bán ròng hợp đồng tháng 12 với 315 hợp đồng, lũy kế mua ròng còn 24.379 hợp đồng.
 - Trên biểu đồ kỹ thuật, chỉ số VN30F1M sau nhịp phục hồi từ vùng giá 1.260 điểm, đang chịu áp lực bán của các vị thế mua ngắn hạn vùng giá thấp và cản thời gian tích lũy. Chúng tôi cho rằng chỉ số VN30F1M khả năng sẽ tiếp tục dao động giằng co quanh vùng 1.300-1.320 điểm trong những phiên giao dịch tới. Do đó, nhà đầu tư nên trading Long Short linh hoạt dựa trên các tín hiệu của khung chart 15m, 1h.

Giá trị hợp lý các HĐ tương lai

Hợp đồng	Ngày đáo hạn	Giá hiện tại	Giá hợp lý	+/-
VN30F2412	19/12/2024	1.313,50	1.309,71	-3,79
VN30F2501	16/01/2025	1.317,80	1.311,36	-6,44
VN30F2503	20/03/2025	1.317,90	1.315,08	-2,82
VN30F2506	19/06/2025	1.319,60	1.320,46	0,86

(Nguồn: Bloomberg, VPBankS)

CHỨNG QUYỀN

Chứng quyền nổi bật

CVNM2311	Điểm chất lượng
Đòn bẩy hiệu quả	14,54
Độ nhạy	0,00
Hao mòn thời gian	-34,50
Độ biến động nội hàm	48,89
Phần bù rủi ro	24,65

Tổng điểm chất lượng **Khá** ★★★★★

Nhận định thị trường CW

- Thị trường CW phiên này không tránh khỏi diễn biến chịu áp lực chốt từ thị trường cơ sở. Toàn thị trường CW có 10 mã tăng, 49 mã giảm và 18 mã tham chiếu. Khối ngoại quay lại bán ròng với tổng mức bán ròng đạt 52.800 CW.
- Đóng cửa, đã có hơn 36,17 triệu CW được chuyển nhượng thành công với giá trị giao dịch đạt khoảng 37,37 tỷ đồng. So với phiên ngày hôm trước, khối lượng tăng 13% và giá trị giao dịch giảm 9%. Thanh khoản thị trường cao hơn so với bình quân 5 phiên trước đó 7% về khối lượng và cao hơn 33% về giá trị. Thanh khoản phiên này tập trung ở các mã CW dựa theo cổ phiếu FPT, HPG, STB. Thứ tự thanh khoản của ba mã này lần lượt chiếm 73,5%; 6,8% và 5,4%.
- Tóm lại, thị trường cơ sở phiên này gặp áp lực chốt lời khi lượng cổ phiếu lớn về tài khoản và có lãi hấp dẫn. Tuy vậy, dòng tiền tiếp tục hấp thụ khá tốt khi thị trường nhanh chóng vượt qua nhịp rung lắc và không làm xu hướng tăng ngắn hạn bị ảnh hưởng. Một phiên hạ nhiệt sau chuỗi tăng liên tiếp là điều cần thiết để giúp giải phóng lượng hàng T+ và giúp thị trường có mức tăng bền vững hơn. Do đó nhà đầu tư ở thị trường chứng có thể xem xét các mã chứng quyền dựa trên cổ phiếu cơ sở có kết quả kinh doanh quý IV khả quan như HPG, VNM, MSN, VPB,...

Thống kê thị trường CW

Số lượng mã CW	222
Số lượng mã cổ phiếu cơ sở	20
Phần bù rủi ro bình quân	13,403
Tỷ lệ đòn bẩy bình quân	15,57x
Ngày giao dịch cuối cùng trung bình	07/01/2025

ĐIỀU CHỈNH KỸ THUẬT

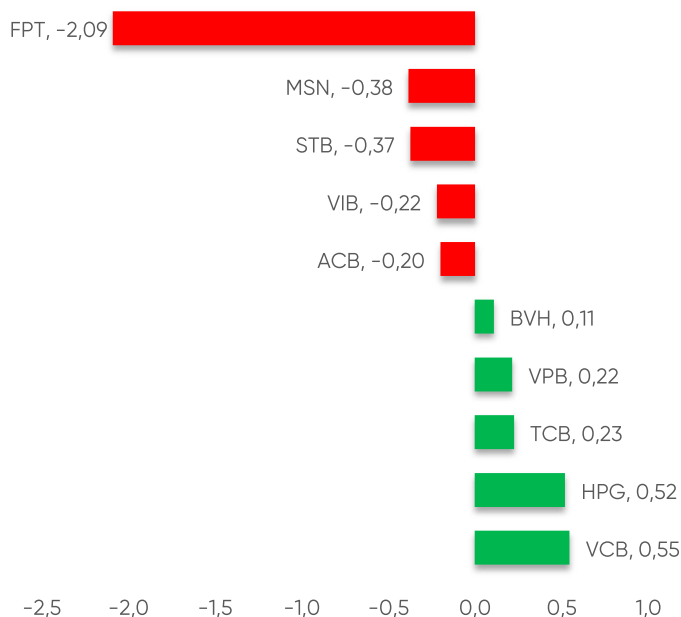
Diễn biến chỉ số HĐTL các kỳ hạn

Hợp đồng	Ngày đáo hạn	Số ngày còn lại	Giá	% Chg	Độ lệch	KLGD	% Chg	OI	%Chg	%Chg BQ 5 phiên
VN30F2412	19/12/2024	16	1.313,50	-0,34	4,67	149.799	-27,91	56.786	-2,18	-2,94
VN30F2501	16/01/2025	44	1.317,80	-0,23	8,97	467	26,56	450	41,51	61,87
VN30F2503	20/03/2025	107	1.317,90	-0,23	9,07	82	67,35	430	6,44	8,42
VN30F2506	19/06/2025	198	1.319,60	-0,38	10,77	14	-33,33	337	0,60	0,84

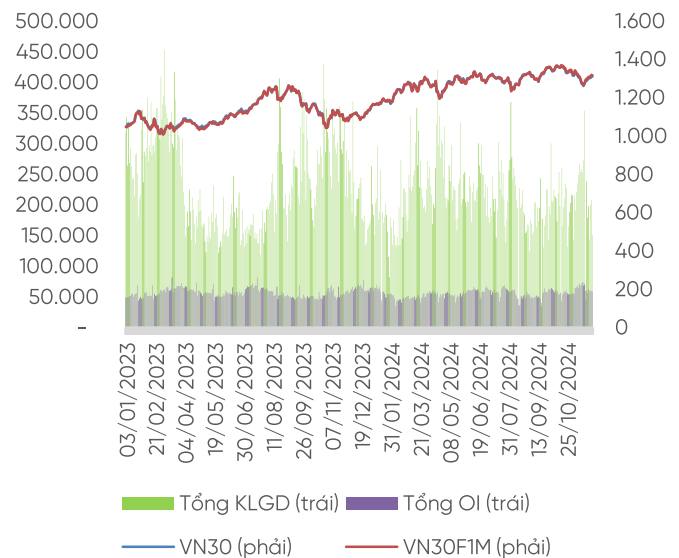
Nhận định VN30

- **Nhóm VN30 chốt phiên giảm 2,43 điểm, với 09 mã tăng và 17 mã giảm.** Trong đó, cổ phiếu bảo hiểm BVH vẫn tăng tốt nhất nhóm, tương ứng tăng 3,16% lên mức 49.000 đồng/CP; trong khi VCB có đóng góp lớn nhất với gần 0,6 điểm cho chỉ số chung; ngược lại các cổ phiếu giảm chỉ quanh mức từ 0,1% đến 0,82%.
- **Thanh khoản rổ VN30 giảm 11,03% so với phiên giao dịch trước đó,** với khối lượng giao dịch khớp lệnh của VN30-Index đạt hơn 121 triệu cổ phiếu, tương đương giá trị đạt hơn 4.215 tỷ đồng.
- **Khối ngoại trở lại bán ròng** hơn 410 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, các cổ phiếu ở rổ VN30 bị bán ròng như FPT, VRE, VCB, STB, HPG,...ngược lại các mã được mua ròng là CTG, TCB, VPB, MWG.

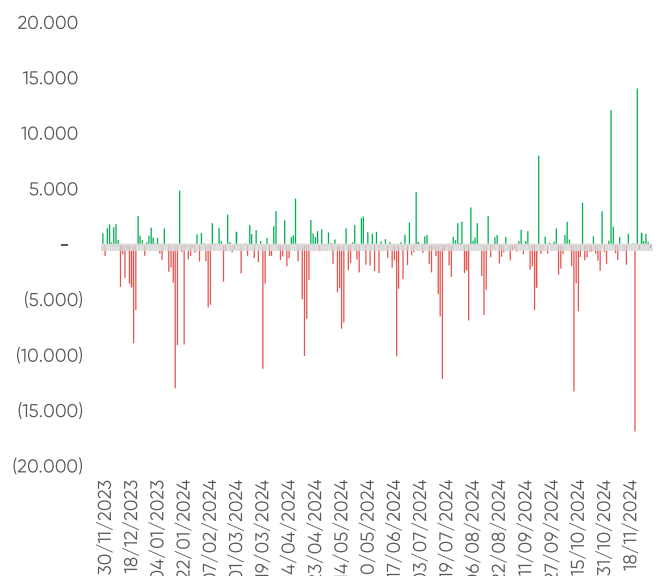
Top Cổ phiếu ảnh hưởng VN-30 Index



Diễn biến thanh khoản VN30F1M



KLGD ròng của NĐTNN với VN30F1M



(Nguồn: Bloomberg, VPBankS Research)

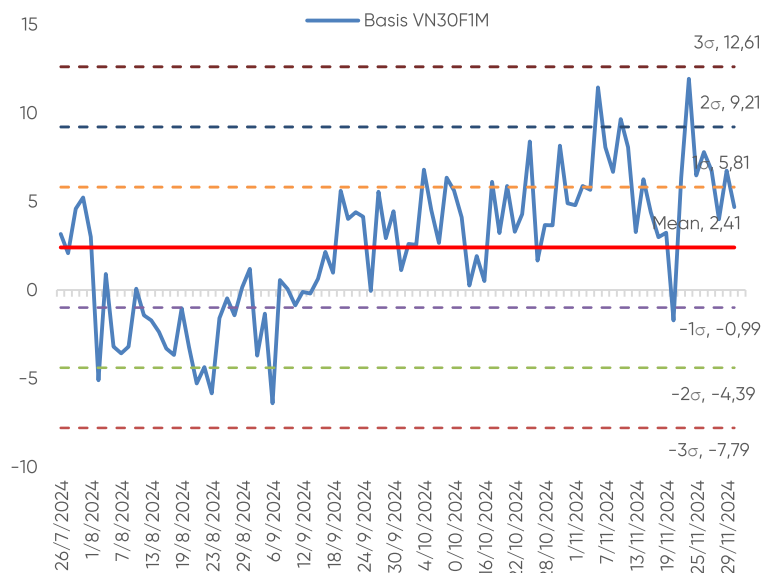
Đồ thị kỹ thuật VN30F1M



Xu hướng chỉ số VN30F1M

	15m	1h	Daily
Tổng kết	SELL	BUY	BUY
Hỗ trợ	1.309	1.305	1.280
Kháng cự	1.318	1.324	1.346

Diễn biến độ lệch VN30F1M theo ngày



Biến động Thị trường chứng khoán

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	44.782,00	-0,29	18,82
S&P 500	6.047,15	0,24	26,78
FTSE 100	8.312,89	0,31	7,50
Hang Seng	19.550,29	0,65	14,68
VNIndex	1.251,21	0,06	10,73
VN30	1.308,83	-0,19	15,68

Biến động Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.641,97	0,11	28,07
Dầu Brent	68,22	0,18	-4,79
Dầu WTI	71,98	0,21	-6,57
Than	135,00	-1,75	-7,79
Đồng	8.992,50	-0,20	5,06
Quặng sắt	105,87	0,80	-23,24
Thép	495,00	1,33	-12,34

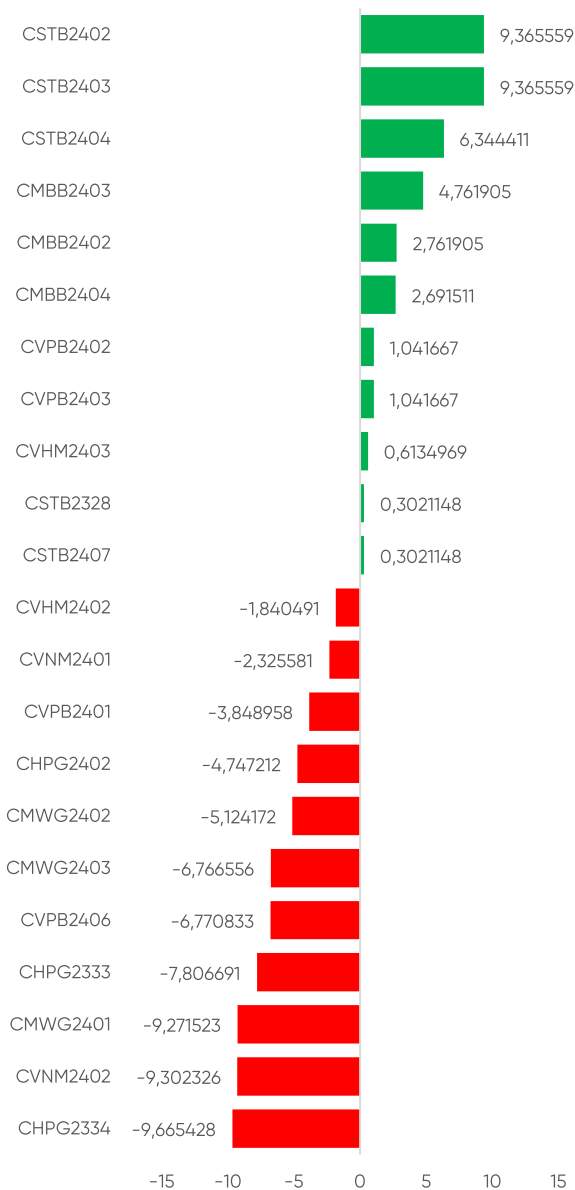
(Nguồn: Bloomberg, VPBankS Research)

ÁP LỰC CHỐT LỜI NGẮN HẠN

Top 5 CW có tổng điểm chất lượng cao nhất

Mã CW	Điểm chất lượng					Tổng điểm
	Q(E)	Q(S)	Q(T)	Q(I)	Q(P)	
CMWG2314	■	■	■	■	■	4,4
CMBB2404	■	■	■	■	■	4,4
CSTB2407	■	■	■	■	■	4,4
CVHM2403	■	■	■	■	■	4,2
CSTB2402	■	■	■	■	■	4,2

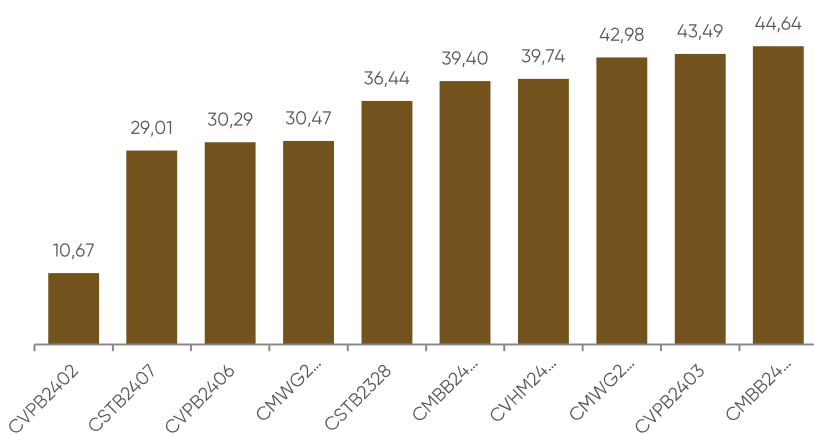
CW có trạng thái lãi/lỗ đến +/-10%



Top 5 CW có mức sinh lời T+3 cao nhất

Mã CW	1 ngày	3 ngày	5 ngày	YTD
	(%)	(%)	(%)	(%)
CHPG2333	62,50	116,67	62,50	(83,12)
CVIB2305	(2,86)	17,24	3,03	(56,41)
CSTB2403	-	13,51	10,53	(9,68)
CVIB2402	1,23	12,33	5,13	(57,73)
CFPT2401	(14,75)	8,19	58,12	(31,73)

Top 10 CW có độ biến động nội hàm thấp nhất



(Nguồn: Bloomberg, VPBankS Research)

Xác định điểm chất lượng (Q-score) cho từng chỉ số mỗi CW

Tiêu chí	Không hấp dẫn	Ít hấp dẫn	Trung lập	Tương đối hấp dẫn	Hấp dẫn	Rất hấp dẫn
	Q(x) = 0	Q(x) = 1	Q(x) = 2	Q(x) = 3	Q(x) = 4	Q(x) = 5
Đòn bẩy hiệu quả (E)	< 1	1,0 – 2,0	2,0 – 2,5	2,5 – 3,0	3,0 – 4,0	≥ 4
Độ nhạy (S)	< 0,2	0,2 – 0,4	0,4 – 0,7	0,7 – 1,0	1,0 – 1,5	≥ 1,5
Hao mòn thời gian (T)	> 3%	1,5 – 3%	0,75 – 1,5%	0,4 – 0,75%	0,2 – 0,4%	≤ 0,2%
Độ biến động nội hàm (I)	> 100%	85 – 100%	75 – 85%	65 – 75%	55 – 65%	≤ 55%
Phần bù rủi ro (P)	> 20%	16 – 20%	12 – 16%	8 – 12%	4 – 8%	≤ 4%

TOP CW CÓ TỔNG ĐIỂM CHẤT LƯỢNG CAO NHẤT

STT	Mã	CPCS	Số ngày còn lại	Đòn bẩy	Độ nhạy	Delta	Hao mòn thời gian	Độ biến	Phản bù rủi ro	KLGD	GTGD
				hiệu quả				động nội hàm			
				lần	lần	%	% / ngày	%	%		triệu VNĐ
1	CMWG2314	MWG	38	5,15	0,72	81,79	(0,00)	56,90	1,99	522.300	500
2	CMBB2404	MBB	94	6,40	0,87	59,34	(0,01)	39,40	6,58	85.200	99
3	CSTB2407	STB	14	22,03	0,63	53,25	(0,04)	29,01	2,11	2.364.200	457
4	CVHM2403	VHM	4	20,09	0,44	55,22	(0,18)	58,36	2,13	118.500	25
5	CSTB2402	STB	170	3,98	0,84	68,10	(0,00)	45,94	7,76	191.800	358
6	CMBB2402	MBB	170	4,46	0,77	59,65	(0,01)	44,64	10,61	120.700	201
7	CSTB2404	STB	94	5,21	0,59	65,42	(0,01)	46,26	6,22	408.700	423
8	CVPB2402	VPB	4	72,19	0,00	82,71	(0,03)	10,67	0,10	51.900	7
9	CSTB2328	STB	38	11,04	0,25	53,37	(0,02)	36,44	4,53	2.536.500	495
10	CSTB2403	STB	4	8,40	0,98	85,24	(0,03)	94,19	0,79	3.100	2
11	CVPB2406	VPB	14	33,89	0,00	14,12	(1,01)	30,29	7,19	345.700	11
12	CMWG2402	MWG	4	73,62	0,02	6,05	(2,68)	30,47	5,21	283.800	2
13	CVPB2403	VPB	94	6,07	0,00	56,27	(0,01)	43,49	8,23	93.100	82
14	CVNM2402	VNM	4	44,08	0,00	5,47	(5.478,00)	52,18	9,43	22.600	0
15	CMWG2403	MWG	95	7,08	0,30	42,42	(0,02)	42,98	12,76	355.400	256
16	CVHM2405	VHM	14	27,57	0,07	10,83	(0,23)	39,74	10,82	3.587.700	152
17	CMWG2401	MWG	170	4,67	0,33	46,35	(0,01)	49,72	19,21	22.500	34
18	CMBB2315	MBB	38	3,59	0,77	77,96	(0,01)	94,50	4,51	53.900	70
19	CVPB2401	VPB	170	4,28	0,00	45,31	(0,02)	54,35	14,43	11.500	12
20	CHPG2403	HPG	94	7,03	0,05	34,47	(0,08)	47,57	18,29	592.400	196

TOP CW CÓ TỔNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CAO NHẤT

STT	Mã	CPCS	Số ngày còn lại	Đòn bẩy	Độ nhạy	Delta	Hao mòn thời gian	Độ biến	Phản bù rủi ro	KLGD	GTGD
				hiệu quả				động nội hàm			
				lần	lần	%	% / ngày	%	%		triệu VNĐ
1	CVIC2402	VIC	14	25,62	0,00	2,54	#####	54,57	24,01	5.123.500	51
2	CVHM2405	VHM	14	27,57	0,07	10,83	(0,23)	39,74	10,82	3.587.700	152
3	CHPG2333	HPG	7	11,32	0,00	32,82	(121,02)	104,91	10,71	3.313.000	448
4	CSTB2328	STB	38	11,04	0,25	53,37	(0,02)	36,44	4,53	2.536.500	495
5	CSTB2407	STB	14	22,03	0,63	53,25	(0,04)	29,01	2,11	2.364.200	457
6	CVPB2315	VPB	38	10,71	0,00	13,39	(2.543,99)	62,49	28,85	2.028.900	62
7	CTCB2402	TCB	14	24,94	0,00	6,33	(322,31)	48,87	16,53	993.600	19
8	CHPG2334	HPG	38	6,24	0,01	40,84	(0,55)	79,47	16,21	808.600	179
9	CHPG2403	HPG	94	7,03	0,05	34,47	(0,08)	47,57	18,29	592.400	196
10	CVNM2401	VNM	170	3,78	0,00	52,50	(0,01)	59,23	16,22	533.400	610

(Nguồn: Bloomberg, VPBankS Research)

CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ COVERED WARRANT

Thuật ngữ	Chú giải
Đòn bẩy hiệu quả (Effective Gearing)	Đòn bẩy hiệu quả cho biết thay đổi giá của CW nếu giá tài sản cơ sở thay đổi 1%. Đòn bẩy hiệu quả càng cao, tỷ lệ lãi / lỗ của nhà đầu tư vào CW đó càng lớn Ví dụ: một CW có đòn bẩy hiệu quả là 10 lần, nghĩa là khi giá cổ phiếu cơ sở thay đổi 1%, giá CW sẽ thay đổi khoảng 10%.
Độ nhạy (Sensitivity)	Độ nhạy đo lường mức độ dao động giá. Ví dụ, một CW có độ nhạy là 2, có nghĩa là khi giá cổ phiếu cơ sở thay đổi 1 bước giá, giá CW sẽ thay đổi khoảng 2 bước giá. CW có độ nhạy càng cao sẽ có mức độ dao động giá càng rộng.
Hao mòn thời gian (Time decay per day)	Giá trị hao mòn thời gian là tỷ lệ mất giá của CW sau một ngày (nếu giả định các yếu tố khác không đổi). Nhà đầu tư nên tránh nắm giữ các CW có tỷ lệ hao mòn thời gian cao trong một thời gian dài.
Độ biến động nội hàm (Implied Volatility)	Độ biến động nội hàm là độ biến động hàm ý bởi mức giá thị trường của một CW. Chỉ số này dùng để so sánh hai CW có cùng cổ phiếu cơ sở. CW có độ biến động nội hàm càng cao thì CW đó càng đắt (nếu giả định các yếu tố khác không đổi).
Phần bù rủi ro (Warrant Premium)	Phần bù rủi ro cho biết mức độ đắt/rẻ nếu mua một CW và chuyển đổi sang cổ phiếu cơ sở so với việc mua một cổ phiếu cơ sở ngay tại thời điểm đó. Phần bù rủi ro của những CW kỳ hạn dài thường cao hơn so với CW kỳ hạn ngắn. Do đó, nhà đầu tư nên dùng phần bù rủi ro để so sánh những CW có kỳ hạn tương đương nhau.
Giá trị nội tại (Intrinsic Value)	Giá trị nội tại là khoản tiền mặt nhà đầu tư sẽ nhận được nếu thực hiện quyền ngay tại thời điểm hiện tại. Giá trị nội tại của CW luôn lớn hơn hoặc bằng 0. Giá trị nội tại chứng quyền Mua = Max ((Giá hiện tại CPCS – Giá thực hiện)*Tỷ lệ thực hiện, 0); Giá trị nội tại chứng quyền Bán = Max ((Giá thực hiện - Giá hiện tại CPCS)*Tỷ lệ thực hiện, 0).
Giá trị thời gian (Time Value)	Giá trị thời gian là mức chênh lệch giữa giá CW trên thị trường và giá trị nội tại. Giá CW = Giá trị nội tại + Giá trị thời gian

Email: Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS tại:

**Miễn trừ trách nhiệm:**

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.